

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/LĐ-PT

Ngày 07-11-2024

V/v Tranh chấp tiền lương ngừng
việc và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLPT-LĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp tiền lương ngừng việc và bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/LĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đào Phước L, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Số C, khu V, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần T. Địa chỉ trụ sở chính: Lô C, đường D, KCN Đức Hòa III - V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Xuân H, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc H1, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người kháng cáo:** Công ty Cổ phần T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Đào Phước L trình bày:

Tháng 11/2017, ông vào làm việc tại Công ty Cổ phần T với vị trí công nhân bảo trì, vị trí làm việc xưởng tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; đến năm 2019, chuyển về làm tại địa chỉ Lô C, đường D, KCN Đức Hòa III - V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cũng với công việc bảo trì. Tháng 5/2020, ông và Công ty Cổ phần T giao kết hợp đồng lao động không thời hạn. Tháng 10/2022, Công ty có thông báo miệng đến một số công nhân lâu năm về việc giảm biên chế nhưng trong đó không có ông, ông vẫn được tiếp tục làm việc tại Công ty. Đến khoảng 11/2022, ông có đến Công ty làm việc thì được Công ty thông báo nghỉ chờ việc, Công ty chỉ thông báo bằng miệng cho ông, không có thông báo bằng văn bản. Đến tháng 6/2023, do thời gian nghỉ chờ việc đã quá lâu không thấy Công ty thông báo gì nên ngày 08/6/2023 ông viết Đơn xin nghỉ việc gửi công ty; đến 19/9/2023, ông mới nhận được Quyết định nghỉ việc và Sổ bảo hiểm xã hội (BHXH) từ Công ty (Quyết định đề ngày 08/6/2023).

Việc Công ty cho ông nghỉ chờ việc từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023 nhưng không thanh toán lương ngừng việc và thực hiện việc đóng BHXH cho ông từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023 theo quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T thanh toán cho ông:

- Lương ngừng việc từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023 với mức lương ngừng việc là: $4.800.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 70\% = 26.880.000 \text{ đồng}$;

- Bồi thường thiệt hại tương đương số tiền bảo hiểm xã hội mà Công ty Cổ phần T không tham gia cho ông từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023: $4.800.000 \text{ đồng} \times 21.5\% \times 8 \text{ tháng} = 8.256.000 \text{ đồng}$;

- Bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 5.000.000 đồng do thẻ Bảo hiểm y tế của ông mất 5 năm liên tục (do theo quy định pháp luật không tham gia BHXH 03 tháng sẽ bị mất thời gian tham gia BHYT liên tục 5 năm)

Tổng số tiền ông L yêu cầu là 40.136.000 đồng.

Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty Cổ phần T do ông Trần Quốc HI đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần T xác định có giao kết hợp đồng lao động không thời hạn với ông Đào Phước L, vị trí làm việc là công nhân bảo trì.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông Đào Phước L, Công ty Cổ phần T có ý kiến như sau:

Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 20/11/2022: ông L phát sinh 11 ngày làm việc và Công ty đã thanh toán đủ tiền lương 11 ngày làm việc cho ông L.

Trong thời gian từ ngày 21/11/2022 đến tháng 6/2023, Công ty có bố trí người lao động làm việc tại nhà máy tại huyện C, TP . nhưng ông Đào Phước L từ chối việc sắp xếp này (nhà máy C là một trong những địa điểm làm việc được thỏa thuận khi tuyển dụng). Ông L không thuộc trường hợp ngừng việc, nên việc ông L không đi làm trong thời gian này không thuộc trường hợp được hưởng lương ngừng việc, nên ông L không phát sinh ngày công trong thời gian từ 21/11/2022 đến tháng 6/2023. Tuy nhiên do bộ phận văn phòng Công ty phải tập trung xử lý các báo cáo, làm việc với cơ quan nhà nước, tổ chức tín dụng nên Công ty không xử lý, lập biên bản đối với việc ông L không đi làm theo sự bố trí của Công ty. Đến ngày 08/6/2023, ông L gửi Đơn xin nghỉ việc đến Công ty, Công ty ra Quyết định nghỉ việc cho ông L vào ngày 08/6/2023, đến ngày 19/9/2023 Công ty bàn giao Quyết định nghỉ việc và Sổ BHXH cho ông L, do tình trạng Công ty lúc đó khó khăn nên việc hoàn tất các thủ tục với cơ quan có thẩm quyền bị mất thời gian nên đến tháng 9/2023 mới thực hiện việc giao Quyết định nghỉ việc và Sổ BHXH cho ông L.

Do ông L chỉ làm việc 11 ngày trong tháng 11/2022 (đã được trả lương đầy đủ) và không phát sinh ngày công từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2023 nên không thuộc đối tượng tham gia và đóng BHXH khoảng thời gian này. Việc bảo hiểm y tế của ông L bị mất 5 năm liên tục cũng không phải do lỗi của Công ty.

Từ các lý do trên, Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Phước L về việc tranh chấp “*Tiền lương ngừng việc và bồi thường thiệt hại*” đối với Công ty Cổ phần T.

Buộc Công ty Cổ phần T phải trả cho ông Đào Phước L tổng số tiền là 29.322.000 đồng – Hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi hai ngàn đồng, trong đó số tiền lương ngừng việc tính từ ngày 21/11/2023 đến ngày 07/6/2023 là 22.098.000 đồng và bồi thường thiệt hại tương đương số tiền không đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023 là 7.224.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Phước L về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng do Bảo hiểm y tế mất 5 năm liên tục*”.

3. Về án phí:

- Buộc Công ty Cổ phần T phải nộp án phí lao động sơ thẩm với số tiền là 879.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Ông Đào Phước L phải nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 04/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa nhận được đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần T kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần Quốc HI là người đại diện Công ty Cổ phần T trình bày: Công ty có thông báo cho ông L chuyển địa điểm làm việc lên cơ sở tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông L không đồng ý nên là lỗi của ông L. Vì ông L ngừng việc nên không phát sinh việc đóng bảo hiểm. Nay Công ty chỉ đồng ý bồi thường cho ông L từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Ông Đào Phước L trình bày: Công ty Cổ phần T thông báo bằng miệng cho ông L ngừng việc và không có báo chuyển địa điểm làm việc lên cơ sở ở huyện C. Mức bồi thường mà Công ty đưa ra thì ông L không đồng ý vì ông L chỉ khởi kiện đòi 70% lương chứ không có đòi 100% lương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Công ty Cổ phần T và ông L thống nhất Công ty cho ông L ngừng việc nên là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, ông L không có lỗi trong việc ngừng việc mà Công ty có lỗi nên ông L khởi kiện đòi tiền lương là có căn cứ theo khoản 1 Điều 99 Bộ luật Lao động. Ông L yêu cầu 70% mức lương là có lợi cho Công ty. Về yêu cầu thanh toán Bảo hiểm xã hội thì là lỗi của Công ty nên bản án sơ thẩm tuyên trả là đúng. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T. Tuy nhiên theo điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định người lao động được miễn án phí đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường

thiệt hại nên cấp sơ thẩm buộc ông L chịu án phí do bị bác yêu cầu về bồi thường thiệt hại là chưa đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 32, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Các đương sự thống nhất Công ty Cổ phần T thông báo cho ông L ngừng việc và chỉ trả lương cho ông L đến hết ngày 20/11/2022; đến ngày 08/6/2023 Công ty mới ban hành quyết định nghỉ việc cho ông L, ông L không có đi làm trong thời gian từ ngày 21/11/2022 đến ngày 07/6/2023 nên Công ty cũng không đóng bảo hiểm xã hội cho ông L. Xét thấy, trong thời gian này giữa ông L và Công ty vẫn tồn tại hợp đồng lao động và Công ty cũng không có chứng cứ chứng minh là đã thông báo cho người lao động về việc thay đổi địa điểm làm việc, không thực hiện bất cứ hình thức kỷ luật lao động hoặc lập biên bản về việc ông L không làm việc theo sự bố trí của Công ty. Như vậy, ông L yêu cầu Công ty thanh toán cho ông L tiền lương ngừng việc trong thời gian từ ngày 21/11/2022 đến ngày 07/6/2023 với mức lương thể hiện trên sổ Bảo hiểm xã hội là 4.800.000 đồng/tháng và bồi thường thiệt hại trong thời gian không tham gia bảo hiểm xã hội do ngừng việc là có căn cứ phù hợp với Điều 99 Bộ luật Lao động 2019 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L buộc Công ty Cổ phần T trả cho ông L tổng số tiền 29.322.000 đồng là có căn cứ.

[5] Công ty Cổ phần T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh nên kháng cáo không được chấp nhận như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nhưng không được ông L đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ngoài ra, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L buộc Công ty Cổ phần T bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng do Bảo hiểm y tế mất 5 năm liên tục nhưng buộc ông L có nghĩa vụ chịu án phí là không phù hợp với Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trường hợp này thì ông L được miễn nộp tiền án phí. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về tuyên nghĩa vụ chịu án phí của ông L.

[7] Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần T phải chịu 300.000 đồng.

[8] Những khoản khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần T.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 63, 147, 148, 184, 186, 308 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 99 Bộ Luật lao động năm 2019; Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội; các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Phước L về việc tranh chấp “Tiền lương ngừng việc và bồi thường thiệt hại” đối với Công ty Cổ phần T.

Buộc Công ty Cổ phần T phải trả cho ông Đào Phước L tổng số tiền là 29.322.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng, trong đó số tiền lương ngừng việc tính từ ngày 21/11/2023 đến ngày 07/6/2023 là 22.098.000 đồng và bồi thường thiệt hại tương đương số tiền không đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023 là 7.224.000 đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Phước L về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng do Bảo hiểm y tế mất 5 năm liên tục”.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty Cổ phần T phải chịu án phí lao động sơ thẩm với số tiền là 879.000 đồng.

- Ông Đào Phước L được miễn tiền án phí lao động sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần T đã nộp theo Biên lai thu số 0004758 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, Công ty Cổ phần T đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc